TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1307/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2024
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn N Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Hiền

2/ Ông Phạm Văn Thạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Hương - Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 610/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 787/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh H N, sinh năm: 19xx (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: A, phường P, quận T, Thành phố H.

2. Bị đơn: Bà Danh T C V, sinh năm: 19xx (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: M, phường B, quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp cho Tòa án và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ông Huỳnh H N trình bày:

Ông và Bà Danh T C V có thời gian quen biết và tự nguyện tìm hiểu nhau. Đến năm 2009, cả hai tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 14/02/2009. Ông và Bà Danh T C V chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Ông và bà V sống ly thân từ năm 2013 đến nay, do đó, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông yêu cầu được ly hôn với Bà Danh T C V.

Về con chung: trong quá trình chung sống ông và Bà Danh T C V có 02 (hai) con chung tên Huỳnh T P, sinh ngày 15/8/20XX và Huỳnh T Đ, sinh ngày 14/7/20XX. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi Huỳnh T P và Huỳnh T Đ; ông không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông xác định không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: ông tự nguyện chịu án phí.

Bị đơn là Bà Danh T C V xin vắng mặt và có gửi ý kiến trình bày: Bà xác nhận quan hệ hôn nhân như ông N trình bày, bà V cũng xác nhận bà và ông N có 02 con chung tên Huỳnh T P, sinh ngày 15/8/20XX và Huỳnh T Đ, sinh ngày 14/7/20XX. Năm 2009 do mâu thuẫn buôn bán ở chợ, đánh nhau dẫn đến tử vong, nhưng do bà đang nuôi con nhỏ nên năm 2013 bà mới đi thi hành án phạt tù tội cố ý gây thương tích. Trong thời gian bà đi thi hành án thì ông N không đến thăm lần nào. Năm 2019 bà chấp hành án xong trở về có gặp ông N , bà muốn vợ chồng về ở lại với nhau để lo cho con, nhưng ông N né tránh, không chấp nhận. Nay ông N yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý. Nhưng do hoàn cảnh gia đình bà rất khó khăn, mẹ thì đang bệnh nặng, bản thân người có tiền án như bà cũng rất khó khăn trong tìm kiếm việc làm, không có khả năng nuôi 02 con, nên bà đồng ý giao 02 con cho ông N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà V xác định không có.

Tại phiên tòa:

- Ông Huỳnh H N và Bà Danh T C V có đơn xin vắng mặt;

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng thẩm quyền, thực hiện đúng trình tự tố tụng.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh H N và Bà Danh T C V chung sống có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông N , bà V là hợp pháp. Tình trạng hôn nhân của ông N và bà V là trầm trọng, ông N yêu cầu ly hôn, bà V cũng đồng ý. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ông Huỳnh H N về việc xin ly hôn với Bà Danh T C V.

Về con chung: Ông Huỳnh H N và Bà Danh T C V có 02 (Hai) con chung tên Huỳnh T P, sinh ngày 15/8/20XX và Huỳnh T Đ, sinh ngày 14/7/20XX. Ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 (Hai) con, không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Bà V đồng ý nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: ông N bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: ông N bà V khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Huỳnh H N và Bà Danh T C V có đăng ký kết hôn, Ông Huỳnh H N yêu cầu ly hôn. Tại thời điểm khởi kiện Bà Danh T C V cư trú tại quận Bình Tân nên đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ông Huỳnh H N và bị đơn Bà Danh T C V có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 14/02/2009 do Ủy ban nhân dân phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp và lời khai của nguyên đơn có căn cứ xác định hôn nhân giữa ông N và bà V là hợp pháp.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu Ông Huỳnh H N xin được ly hôn với Bà Danh T C V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Huỳnh H N và Bà Danh T C V tự nguyện kết hôn năm 2009. Năm 2013 bà V đi thi hành án phạt tù vì tội cố ý gây thương tích. Năm 2019 bà V chấp hành án xong trở về, nhưng ông N và bà V vẫn không sống chung, không quan tâm đến nhau. Nay ông N yêu cầu ly hôn thì bà V cũng đồng ý. Cho thấy, hôn nhân giữa ông N và bà V lâm vào tình trạng trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình là "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình" và "Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau . . . ". Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Do đó, yêu cầu ly hôn của Ông Huỳnh H N đối với Bà Danh T C V là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Ông Huỳnh H N và Bà Danh T C V có 02 con chung tên Huỳnh T P, sinh ngày 15/8/20XX và Huỳnh T Đ, sinh ngày 14/7/20XX. Ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Bà V cũng đồng ý, vì hiện nay bà rất khó khăn không có khả năng nuôi hai con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu được nuôi con của Ông Huỳnh H N. Ghi nhận sự tự nguyện của ông N không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản chung: Ông N và bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3.4] Về nợ chung: Ông N và bà V xác định không có nên không xem xét.

[4] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tại phiên tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Huỳnh H N phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Huỳnh H N về việc xin ly hôn với Bà Danh T C V.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh H N được ly hôn với Bà Danh T C V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 14/02/2009 do Ủy ban nhân dân phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Huỳnh H N và Bà Danh T C V có 02 (Hai) con chung tên Huỳnh T P, sinh ngày 15/8/20XX và Huỳnh T Đ, sinh ngày 14/7/20XX. Giao 02 con chung tên Huỳnh T P, sinh ngày 15/8/20XX và Huỳnh T Đ, sinh ngày 14/7/20XX cho Ông Huỳnh H N được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của Ông Huỳnh H N không yêu cầu Bà Danh T C V cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con Tòa án có thể quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu của cha, mẹ; thay đổi quyền nuôi con của ông N khi ông N , bà V hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu.

Ông N có quyền yêu cầu bà V thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia Đình năm 2014; yêu cầu bà V cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Ông N cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Huỳnh H N và Bà Danh T C V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

1.4. Về nợ chung: Ông Huỳnh H N và Bà Danh T C V xác định không có, nên không xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Ông Huỳnh H N phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà ông N đã nộp theo biên lai thu số 0011344 ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, Ông Huỳnh H N đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Bình Tân;
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Chi cục THA DS Q.Bình Tân;
- Cơ quan đã đăng ký kết hôn;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn N Hạnh